

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 58/2024/HS-PT
Ngày: 06-9-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2024/TLPT-HS ngày 16 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo **Phạm Minh T** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2024/HS-ST ngày 10-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Minh T**, sinh năm: 1980 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: **ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Phạm Văn T1**, sinh năm: 1951 và bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1950; vợ **Hồ Thị Bích P**, sinh năm: 1989; bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2000, con thứ hai sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Lê Văn M** – Luật sư thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh B**, có mặt.

Người bị hại: **Nguyễn Tấn L**, sinh năm: 1992 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: **ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre**, có mặt;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1993, Nơi cư trú: **ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre**. Chị **N** ủy quyền cho anh **Nguyễn Tấn L**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 22/5/2023, Nguyễn Tấn L điều khiển xe mô tô và cầm theo 01 xà beng tự chế bằng kim loại đến ấp B, xã C, huyện M để đòi tiền Phạm Minh T nợ trước đây. Đến nơi, giữa L và T xảy ra mâu thuẫn cự cãi với nhau, L dùng xà beng đánh trúng hai tay và vai trái của T gây thương tích nhẹ, đập vào tay cầm và bình xăng xe mô tô ba bánh của T gây hư hỏng nhẹ rồi cả hai tiếp tục cự cãi. T xông vào giằng co với L và giật được cây xà beng làm cả hai té ngã. T đứng lên trước, khi thấy L đứng lên T liền dùng cây xà beng vừa giật được đánh trúng vào vùng đầu bên trái và chân trái làm L khụy chân xuống. T tiếp tục đánh vào sau đầu và dùng chân đạp vào ngực làm L té ngã. Sau đó, T cầm theo cây xà beng rời khỏi hiện trường cho đến khi Công an xã C mời làm việc.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 cây xà beng tự chế cán và lưỡi bằng kim loại dài 81 cm, đầu cán có gắn một khoen tròn đường kính 5,6 cm, cán hình trụ tròn dài 72 cm, chu vi 13,5 cm; lưỡi dẹp, màu đen dài 09 cm, nơi rộng nhất 09cm; khối lượng 2.320 gram do T giao nộp.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 309-23/KLTTCT-TTPYBT ngày 28/8/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh B kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích của bị hại Nguyễn Tấn L là 23%. Cơ chế hình thành thương tích: do vật tày gây ra. Cây xà beng (tự chế) có đặc điểm như nêu trên có thể gây ra được thương tích của Nguyễn Tấn L. Phần cán hay lưỡi của cây xà beng đều có thể gây ra có thể gây ra các thương tích của Nguyễn Tấn L. Riêng thương tích vỡ xương vòm sọ đỉnh trái, phần lưỡi cây xà beng phù hợp với hình ảnh tổn thương trên chuẩn đoán hình ảnh.

Tại Biên bản giám định y khoa số 12/GĐYK-KNLĐ ngày 28/02/2024 của Hội đồng giám định y khoa tỉnh Bến Tre kết luận: Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động của Nguyễn Tấn L là 13%.

Tại Biên bản kết luận định giá tài sản số: 16/KL-HĐĐGTS ngày 04/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M kết luận: Giá trị thiệt hại của xe mô tô ba bánh (xe Hoa L1), biển số 71B1- 606.58; xe bị hư hỏng do bị người khác dùng cây xà beng tự chế bằng kim loại đánh, bị hư hỏng các bộ phận sau: tay cầm bên trái bị đẩy cong theo hướng từ trước ra sau, từ trái qua phải; bên trái bình xăng bị móp thụng và có vết thủng kích thước 05 cm x 0,8 cm. Giá trị thiệt hại là 450.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2024/HS-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và Thông báo sửa chữa bổ sung bản án (Quyết định) số 17/2024/TB-TA ngày 26/6/2024, đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Minh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38

Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Phạm Minh T** 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án).

...

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 590 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Buộc bị cáo **Phạm Minh T** bồi thường cho bị hại **Nguyễn Tấn L** số tiền 161.520.000 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm khi chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/6/2024, bị cáo **Phạm Minh T** kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm để giám định thương tật cho bị cáo. Trường hợp, không hủy Bản án sơ thẩm đề nghị được giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo và giảm số tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm. Bị cáo cho rằng bị cáo tự vệ.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, phù hợp quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Phạm Minh T** phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù và buộc bị cáo bồi thường cho bị hại **Nguyễn Tấn L** số tiền 161.520.000 đồng. Xét hình phạt đối với bị cáo 02 năm tù làm mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp nên không có căn cứ giảm hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa phần trách nhiệm dân sự, chấp nhận các khoản gồm: Chi phí điều trị 14.000.000 đồng, tiền xe đi lại điều trị 7.500.000 đồng; mất thu nhập của bị hại 05 tháng x 9.000.000 đồng là 45.000.000 đồng; tổn thất tinh thần của bị hại là 20.000.000 đồng; suy giảm khả năng lao động của bị hại là 7.819.000 đồng; mất thu nhập của người nuôi bệnh 4.000.000 đồng. Tổng cộng là 98.319.000 đồng. Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Phạm Minh T**; sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự. Tuyên bố bị cáo **Phạm Minh T** phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Phạm Minh T** 02 (hai) năm tù. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 98.319.000 đồng. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

- Bị cáo không tranh luận.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Cho rằng bị cáo thành khẩn khai báo, là lao động chính trong gia đình, bị cáo gây thương tích bị hại 23%, tổn hại sức khỏe 13 %, Bản án sơ thẩm tuyên là nghiêm khắc, bị hại dùng xà beng đánh bị cáo bị cáo giật xà beng đánh lại bị hại thể hiện bị hại có lỗi, bị cáo bị truy tố theo khoản 2 Điều 134 Bộ hình sự là chính xác, bị cáo có nộp 17.000.000 đồng để khắc phục thiệt hại cho bị hại, hiện bị cáo nuôi cha mẹ lớn tuổi và ba người con trong đó có hai người con chưa thành niên (theo điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự). Đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng đề nghị áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị hại tranh luận cho rằng, bị hại có lỗi nhưng bị hại không còn tấn công bị cáo, bị hại bỏ về đã quay đi, bị cáo giật xà beng đánh vào đầu và chân là cố ý rồi bỏ đi, bỏ mạng sống của bị hại, bị hại bị tổn thương nghiêm trọng, không làm gì được, bị giập não nằm một tháng.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Do mâu thuẫn trong vấn đề tiền bạc không giải quyết được nên vào khoảng 18 giờ ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại **ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre** bị cáo **Phạm Minh T** đã có hành vi dùng cây xà beng bằng kim loại tự chế đánh gây thương tích cho bị hại **Nguyễn Tấn L** là 23%, làm suy giảm khả năng lao động là 13%.

Bị cáo cho rằng bị cáo “Tự vệ”, tuy nhiên bị cáo cho rằng giật được cây xà beng lúc cả hai té ngã, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, thể hiện tại Biên bản ghi lời khai ngày 29/02/2024 (BL 141): “.. **L** dùng cây xà beng đập trúng vào xe hoa lâm của tôi gây hư hỏng, sau đó thì tôi giật lấy cây xà beng trên tay **L** và đánh lại **L** gây thương tích”; phù hợp lời khai ngày 28/7/2023 (BL 157): “tôi và **L** giằng co qua lại và té vào bờ cỏ cặp dốc **cầu T**, sau đó thì tôi lấy được cây xà beng đánh lại **L**, tôi đánh **L** thấy **L** té ngã xuống đất, sau đó **L** đứng lên tôi thấy **L** chảy máu đầu, ...” , phù hợp lời khai ngày 13/10/2023 (BL 162): “Khi **L** đập xe tôi xong **L** đi ra, tôi đứng gần **L**,

tôi thấy **L** quơ cây chuối bị đánh tôi nữa tôi mới sắp lại gần **L** và giật cây xà beng của **L**, tôi và **L** giằng co qua lại và cùng té vào mé lẻ cỏ của dốc **cầu T**, sau đó tôi giật được cây xà beng của **L**". Như vậy, khi bị cáo giật được cây xà beng thì **L** không còn tấn công và không còn nguy hiểm cho bị cáo, bị cáo lại đánh trả bị hại và đánh vào vùng nguy hiểm của cơ thể bị hại, hành vi chống trả của bị cáo không cùng lúc bị cáo bị tấn công và nguy hiểm hơn so với việc bị hại đánh bị cáo trước nên tình tiết tự vệ không phù hợp để áp dụng cho bị cáo.

Với ý thức, hành vi và hậu quả do đã bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Phạm Minh T** phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo **Phạm Minh T** yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giám định lại thương tật của bị cáo, thấy rằng trong quá trình điều tra bị cáo có đơn từ chối định giá tài sản và không yêu cầu xử lý hình sự (BL 189-190), có công chứng chứng thực và tại Biên bản ghi lời khai của bị cáo (BL 153), có nội dung: "*Bản thân tôi không yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích*"; ...; "*Tôi tự nguyện không giám định thương tích chứ không ai đe dọa, ép buộc, bản thân tôi tự thấy thương tích của tôi không đáng kể*". Với các tình tiết trên được xem là bị cáo tự nguyện không yêu cầu khởi tố hình sự và không yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích. Do vậy, việc bị cáo bị thương tích không phát sinh việc xem xét giải quyết theo trình tự xét xử tại Tòa án, không thuộc phạm vi giải quyết tại Bản án sơ thẩm số: 26/2024/HS-ST ngày 10/6/2024 nên không có cơ sở để hủy Bản án sơ thẩm;

[4] Xét kháng cáo của bị cáo **Phạm Minh T** yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị hại cũng có một phần lỗi theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo có nộp 17.000.000 đồng để khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại, bị cáo có hai con còn nhỏ là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo, không cho bị cáo hưởng án treo.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo **Phạm Minh T** yêu cầu giảm số tiền bồi thường cho người bị hại, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại với tổng số tiền buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 161.520.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đồng ý các khoản bồi thường về: tiền thuốc, tiền ăn

của bị hại là 14.000.000 đồng, tiền xe đi lại của bị hại là 7.500.000 đồng; mất thu nhập của bị hại hàng tháng là 9.000.000 đồng, đồng ý bồi thường một tháng; Tiền công người nuôi bệnh đồng ý 15 ngày công; Tiền tổn thất tinh thần đồng ý 10.000.000 đồng; các khoản còn lại không đồng ý bồi thường.

Xét yêu cầu về bồi thường được chấp nhận như sau: Tiền thuốc, tiền ăn của bị hại là 14.000.000 đồng, tiền xe đi lại của bị hại là 7.500.000 đồng; mất thu nhập của bị hại hàng tháng là 9.000.000 đồng trong 05 tháng là 45.000.000 đồng; Tiền công người nuôi bệnh 4.000.000 đồng (một tháng); Tiền tổn thất tinh thần 20.000.000 đồng; giảm thu nhập của bị hại 7.819.000 đồng (07 tháng x 1.117.000 đồng) (là phần giảm thu nhập đến khi xét xử sơ thẩm sau khi trừ 05 tháng mất thu nhập). Tổng cộng là 98.319.000 đồng, theo đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm; quan điểm của người bào chữa cho bị cáo có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử;

[5] Về án phí: Bị cáo **Phạm Minh T** phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần. Do sửa phần trách nhiệm dân sự nên sửa phần án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

[6] Tiếp tục tạm giữ số tiền 17.000.000 đồng bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo **Phạm Minh T**, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Minh T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 590 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Buộc bị cáo **Phạm Minh T** bồi thường cho bị hại **Nguyễn Tấn L** số tiền 98.319.000 đồng (Chín mươi tám triệu ba trăm mười chín nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành

án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Phạm Minh T không phải chịu. Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Phạm Minh Tuấn phải chịu là 4.915.000 (Bốn triệu chín trăm mười lăm nghìn ngàn) đồng (tính chẵn).

4. Tiếp tục tạm giữ số tiền bị cáo đã nộp 17.000.000 (Mười bảy triệu) đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo, theo Biên lai số 0001318 ngày 13/8/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam (3b);
- Công an và VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- UBND xã Ngãi Đăng, huyện Mô Cày Nam (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (1b);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh